TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2018/LĐ-PT
Ngày: 24/4/2018
V/v: "Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà
Các Thẩm Phán: Ông Lê Văn Quý
Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 25/2017/TLPT-LĐ ngày 11/12/2017 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số 49/2017/LĐST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐ-PT ngày 12/02/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11/2018/QĐ-PT ngày 12/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 21/3/2018 và Thông báo số **08**/TB-TA ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Tìn A C**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Đình Đ**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Đường H, tổ 1, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Phước L** – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Đường H, khu 3, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn J**.

Địa chỉ: Phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Shen Feng Y** – chức vụ: Chủ tịch Hội

đồng thành viên kiêm giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thanh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.**

Địa chỉ: Phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1967.

Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H**, sinh năm 1976.

Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng – Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: Phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2018).

(Ông Tìn A C, ông Phạm Đình Đ, bà Trần Thanh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tìn A C do ông Phạm Đình Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05/10/2009, ông Tìn A C vào thử việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn J (viết tắt là Công ty TNHH J) với công việc là bảo vệ. Ngày 19/10/2009, Công ty ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số: 44/2009-PL với ông C. Mức lương căn bản là 1.165.000 đồng, được hưởng lương tháng 13 tùy theo năng lực lao động và kết quả sản xuất, phụ cấp trách nhiệm 85.000 đồng/tháng, phụ cấp chuyên cần là 50.000 đồng/ tháng. Quá trình làm việc công ty không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 03 năm 2011. Tuy nhiên, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền bảo hiểm trên.

Công ty TNHH J đã ban hành Quyết định số 22/07 QD-CT ngày 22/7/2015 cho ông Tìn A C nghỉ việc là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với lý do: Công ty không họp hội đồng kỉ luật để xử lý kỉ luật khi người lao động có vi phạm; có nội quy lao động nhưng nội quy lao động không được cơ quan có thẩm quyền là Sở Lao động thương binh và xã hội thông qua, việc ban hành Quyết định cho thôi việc không đúng với quy định của pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2016 ông Tìn A C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J như sau:

1/ Yêu cầu hủy Quyết định cho thôi việc số 22/07 QD-CT ngày 22/7/2015 của Công ty TNHH J.

2/ Nhận trở lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết và phải tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương. Tiền những ngày không được làm việc từ 01/8/2015 tạm tính đến 01/5/2016 là 10 tháng x 4.377.000đ/tháng = 43.770.000đ. Và tiền bồi thường

do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật 02 tháng x 4.377.000đ = 8.754.000đ; Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tạm tính là 3.317.000đ x 21%x 10 tháng = 6.695.700đ.

3/ Bồi thường về vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày, 45 ngày x 168.346đ/ngày = 7.575.570đ.

4/ Tiền làm thêm giờ ngày chủ nhật trong năm 2014 là 48 ngày, 48 ngày x 168.346đ/ngày x 200%x48 = 16.161.216đ.

5/ Tiền thưởng lương tháng 13 trong hợp đồng lao động là 4.377.000đ.

Tổng số tiền yêu cầu tạm tính là 87.333.486đ, yêu cầu Tòa án tiếp tục tính cho đến ngày xét xử.

Tại đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 20/6/2016, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2017 và đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 29/9/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tìn A Cầu do ông Phạm Đình Đ đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Yêu cầu hủy Quyết định cho thôi việc số 22/07 QD-CT ngày 22/7/2015 của Công ty TNHH J. Không yêu cầu nhận ông C trở lại làm việc và không yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương do không trở lại làm việc.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, Công ty phải thanh toán tiền lương cho ông C trong những ngày không được làm việc tạm tính từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2017 = 26 tháng x 4.377.000 = 113.802.000đ.

3/ Yêu cầu Công ty bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định pháp luật là: 02 tháng x 4.377.000đồng = 8.754.000đồng.

4/ Yêu cầu Công ty thanh toán tiền do vi phạm thời gian báo trước là: 45 ngày x 168.346đồng = 7.575.570đồng.

5/ Yêu cầu Công ty thanh toán tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho ông C tạm tính từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2017 là: 26 tháng x 3.745.000đồng x 22% = 21.421.400đồng.

Tổng số tiền yêu cầu là 151.552.970đ.

Ngoài ra ông C không có yêu cầu gì khác.

- **Bị đơn Công ty TNHH J do bà Trần Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày**:

Bà T thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về quá trình thử việc, ký hợp đồng lao động và mức lương, phụ cấp. Tuy nhiên, quá trình làm việc tại Công ty, ông C thường xuyên vi phạm nội quy Công ty, cụ thể là: Ngày 09/6/2014, ông C tự ý bỏ chốt trực để làm việc riêng. Ngày 19/12/2014, ông C tự ý bỏ chốt trực để người lạ vào văn phòng, Công ty đã lập biên bản ghi nhận sự việc, ra Quyết định cảnh cáo đối với ông C. Ngày 05/6/2015, ông C không cho xe vào Công ty giao hàng, Công ty lập biên bản ghi nhận sự việc và ra thông báo cho ông C nghỉ việc cùng ngày 05/6/2015. Đến ngày 22/7/2015, Công ty ra Quyết định số 22/07 QD-CT cho ông C thôi việc. Những biên bản ghi nhận sự việc vi phạm, thông báo

nghỉ việc, biên bản giao nhận thông báo nghỉ việc của ông C được Công ty lưu trữ cùng hồ sơ cá nhân của ông C. Tuy nhiên sau khi ông C nghỉ việc tại Công ty, hồ sơ cá nhân của ông C đã bị hủy (vì ông C nghỉ việc đã lâu, Công ty thay đổi trụ sở làm việc) nên không còn để cung cấp cho Tòa án. Khi cho ông C nghỉ việc, Công ty đã thanh toán tiền lương, chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông C đến hết ngày 22/7/2015. Mức lương thực lãnh của ông Tìn A C được hưởng tại Công ty từ tháng 1/2015 đến tháng 7/2015 là 4.377.000 đồng/tháng. Nội quy của Công ty có đăng ký tại Sở Lao động thương binh và xã hội năm 2016, Nội quy về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy của tổ bảo vệ ngày 05/6/2014, bổ sung quy định bảo vệ ngày 14/5/2015 của Công ty không có đăng ký tại Sở Lao động thương binh và xã hội. Quyết định số 22/07 QD-CT ngày 22/7/2015 của Công ty căn cứ vào Nội quy về an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy của tổ bảo vệ ngày 05/6/2014 và bổ sung quy định bảo vệ ngày 14/5/2015 để ban hành.Theo nội dung của hợp đồng lao động có quy định nếu vi phạm nội quy công ty thì sẽ bị xử lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, Công ty không đồng ý với tất cả yêu cầu của ông C vì Công ty đã cho ông C thôi việc đúng quy định pháp luật và đúng với nội quy Công ty.

Ngoài ra Công ty không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ do bà Đinh Thị Phương H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo hợp đồng lao động số 44/2009-PL ký ngày 19/10/2009 giữa Công ty TNHH J và ông Tìn A C (Hợp đồng không xác định thời hạn). Công ty TNHH J đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông C từ tháng 4/2011 đến tháng 7/2015 là 04 năm 4 tháng. Căn cứ theo hợp đồng lao động số 44 ngày 19/10/2009 thì từ tháng 10/2009 đến tháng 3/2011 công ty không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động là sai quy định của Luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ sẽ lập hồ sơ truy thu số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của từng tháng, đồng thời ghi quá trình tham gia, chốt sổ bảo lưu cho người lao động.

Tại Bản án sơ thẩm số 49/2017/LĐST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định:

- Căn cứ vào các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 203, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 38, 41, 42, 202, 203 Bộ luật lao động 2012; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tìn A C về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" đối với Công ty TNHH J.

Hủy quyết định thôi việc số 22/07 QD-CT ngày 22/7/2015 của Công ty TNHH J.

Buộc Công ty TNHH J bồi thường tiền lương cho ông C trong những ngày không được làm việc tạm tính từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2017 26 tháng x 4.377.000 = 113.802.000;

Công ty phải bồi thường 02 tháng tiền lương là: 02 tháng x 4.377.000đồng = 8.754.000đồng;

Thanh toán tiền do vi phạm thời gian báo trước là: 45 ngày x 168.346đồng = 7.575.570đồng;

Thanh toán tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp cho ông C tạm tính từ tháng 8/2015 đến tháng 9/2017 là: 26 tháng x 3.745.000đồng x 22% = 21.421.400đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH J phải thanh toán cho ông Tìn A C là 151.552.970đ.

Đình chỉ đối với các yêu cầu nhận ông C trở lại làm việc và bồi thường 2 tháng tiền lương theo thỏa thuận, tiền làm thêm giờ ngày chủ nhật trong năm 2014 là 16.161.216đ và tiền thưởng lương tháng 13 trong hợp đồng lao động là 4.377.000đ.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH J không thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH J phải chịu 4. 546.589 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2017, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Ông C làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, ông C đã đến tuổi nghỉ hưu vào ngày 02/01/2015. Công ty Janice không để ý tuổi nghỉ hưu của ông C nên không thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động mà lại ban hành quyết định cho thôi việc với lý do ông C có một số sai phạm là không đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của công ty tự nguyện hỗ trợ cho ông C số tiền là 30.000.000đ là không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của công ty.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn J, bác yêu cầu khởi kiện của ông Tìn A C, ghi nhận sự tự nguyện của công ty đồng ý hỗ trợ cho ông C 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J là có sơ sở, bởi lẽ:

Ông C và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ông C sinh ngày 02/01/1955 theo chứng minh nhân dân của ông C, sổ Bảo hiểm xã hội (BL 04, 26) và lời xác nhận của người đại diện theo ủy quyền của ông C thì đến ngày 02/01/2015 ông C đến tuổi nghỉ hưu. Điều 166,187 Bộ luật Lao động và Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về tuổi nghỉ hưu như sau:

"….

a) Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

b) ...."

Như vậy, lẽ ra bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J phải thông báo việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông C do đến tuổi nghỉ hưu, nếu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J và ông C vẫn tiếp tục quan hệ lao động thì phải ký hợp đồng lao động mới theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Lao động. Đây là thiếu sót của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J, vì vậy ông C vẫn làm việc tại Công ty dù đã đến tuổi nghỉ hưu. Việc ông C cho rằng hợp đồng lao động của ông với Công ty Trách nhiệm hữu hạn J là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái luật là không có căn cứ, không phù hợp quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ông C cũng đã nhận sổ bảo hiểm xã hội và nhận trợ cấp theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ nên cần sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Về yêu cầu nhận ông C trở lại làm việc và bồi thường 2 tháng tiền lương theo thỏa thuận, tiền làm thêm giờ ngày chủ nhật trong năm 2014 là 16.161.216đ và tiền thưởng lương tháng 13 trong hợp đồng lao động là 4.377.000đ. Ở cấp sơ thẩm ông C đã rút các yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ. Việc đình chỉ này không bị kháng cáo kháng nghị do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xét lại.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J đồng ý hỗ trợ cho ông C số tiền 30.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về áp dụng pháp luật: Cần áp dụng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn J không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH J, sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào các Điều 286, 296, 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 38, 41, 42, 166, 167, 187, 202 Bộ luật Lao động 2012; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 21, 54 Luật Bảo hiểm xã hội;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tìn A C về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn J.

Công nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn J hỗ trợ cho ông Tìn A C 30.000.000đồng.

Đình chỉ đối với các yêu cầu nhận ông Tìn A C trở lại làm việc và bồi thường 2 tháng tiền lương theo thỏa thuận, tiền làm thêm giờ ngày chủ nhật trong năm 2014 là 16.161.216đ và tiền thưởng lương tháng 13 trong hợp đồng lao động là 4.377.000đ.

Kể từ ngày ông Tìn A C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn J không thanh toán số tiền nêu trên thì Công ty còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hà